

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/ HSST

Ngày: 20/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và ông Nguyễn Tiến Tập.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa bà Lê Thị Kiều Oanh. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2017/HSST, ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn C (tên gọi khác: không), sinh ngày 01/4/1986 **tại U, Quảng Ninh**. Trú quán: tổ 3, khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 04/12. Con ông Vũ Văn H (đã chết) và bà Trần Thị V. Trú tại: khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vợ: Cao Thị T (đã ly hôn), có 02 con: lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt ngày khẩn cấp ngày 12/9/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn Q (tên gọi khác: không), sinh ngày 17/10/1988 **tại U, Quảng Ninh**. Trú quán: tổ 1, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 04/12. Con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T. Trú tại: khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vợ: Dương Thị Đ và có 03 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt ngày khẩn cấp ngày 12/9/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm 1974

Trú quán: Tổ 2, khu 6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

*Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Trú quán: Tổ 2, khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 7/2017, anh Lê Văn H sinh năm 1974, trú tại tổ 2, khu 6, phường T, thành phố U mở quán bán bia tại khu vực công phụ chợ P thuộc tổ 1 khu B, phường P, thành phố U. Vũ Văn C thường xuyên đến uống bia nên quen anh H. Từ ngày 07/9/2017, C làm thuê phụ bán bia cho anh H. Tối ngày 10/9/2017, C rủ Phạm Văn Q đến quán uống bia. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/9/2017, sau khi bán hàng xong, anh H và C dọn dẹp quán và đưa đồ đạc của quán (trong đó có dàn Karaoke) lên xe để vào góc chợ P, không có người trông coi. Sau đó H, C, Q cùng đi uống bia đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày thì ra về. Anh H điều khiển xe mô tô một mình đi trước. Còn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4 - 8566 chở Q đi phía sau. Khi đi đến đoạn Cầu Đen thuộc khu Phương An, phường P, thành phố U, C rủ Q quay lại trộm cắp dàn karaoke của anh H đang để ở chợ P đem bán lấy tiền mua ma túy “đá” về sử dụng. Q đồng ý. Khi cả hai quay lại chợ, C bảo Q đứng ngoài cảnh giới và trông xe, còn C đi vào trộm cắp tài sản của anh H gồm: 01 âm ly màu đen, 01 đầu vang màu đen, 01 đầu hát vi tính màu bạc, 01 thiết bị thu phát Micrro không dây và 01 ổ cắm điện Lioa. Sau đó, C và Q cùng đưa tài sản này lên xe mô tô chở đi tiêu thụ. Khi đi đến đoạn đường quốc lộ 18A hướng đi Đông Triều thì xe hết xăng. C dùng điện thoại di động của Q gọi cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 trú tại tổ 2, khu Tân Lập 1, phường Phương Đông nói với T là có bộ âm ly muốn bán (không nói là tài sản do trộm cắp mà có) và nói vị T dùng xe. T điều khiển xe mô tô đến chỗ C và Q dùng xe. Sau khi xem xét số tài sản trên thì anh T trả giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), C và Q đồng ý. Cả bọn mang số tài sản này đến phòng trọ của T ở tổ 3, khu L, phường P, thành phố U để kiểm tra. Kiểm tra xong, T bỏ ma túy “đá” ra để C, Q, T và hai người bạn của T là Hoàng Văn K (tên gọi khác là P) và P (không rõ lai lịch) cùng nhau sử dụng. Sau đó T trả tiền mua số tài sản trên cho Q, C. Khoảng 08 giờ ngày 11/9/2017, anh H đi chợ mua đồ để tối bán hàng, đến kiểm tra đồ đạc thì phát hiện mất tài sản nên đã trình báo công an. Ngày 12/9/2017, cơ quan công an đã bắt khẩn cấp Vũ Văn C, Phạm Văn Q.

Tại bản cáo trạng số 107/KSĐT - HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Vũ Văn C từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Đề nghị HĐXX áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c, d khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của Vũ Văn C. Truy thu của Phạm Văn Q số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 vật hình chữ nhật màu đen, 01 bật lửa màu trắng, 01 cốc thủy tinh được gắn 02 ống hút và 01 nắp chai nhựa màu đỏ, 04 túi nilon màu trắng. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn C 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn C, 01 điện thoại di động Iphone, màu đỏ đen, bên trong gắn 01 sim, 01 pin và trả lại cho Phạm Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu philip, màu đen, bên trong gắn 02 sim.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

XÉT THẤY

Trong quá trình xét hỏi công khai và tranh luận tại phiên tòa, thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo C, Q tại phiên tòa không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ như: Lời khai của người bị hại anh Lê Văn H, lời khai của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T, những người làm chứng là ông Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H đã có các lời khai trong quá trình điều tra. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo C, Q còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 22 giờ 20 phút ngày 11/9/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Uông Bí; sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường xảy ra ngày 11/9/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập ngày 12/9/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76 ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: 01 đầu hát vi tính, trên mặt có chữ VIET KTV có giá là 3.500.000đ; 01 thiết bị thu phát Micro không dây, trên máy trước có in chữ SHURE UGX8 trị giá 2.500.000đ; 01 đầu vang màu đen, mặt trước in chữ Yamaha trị giá 1.200.000đ; 01 âm ly màu đen, mặt trước có in chữ Sound Tandard MX 500 Power trị giá 7.500.000đ; 01 ổ cắm điện màu đen Lioa trị giá 150.000đ.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/9/2017, tại khu vực chợ P thuộc tổ 1, khu B, phường P, thành phố U, Vũ Văn C, Phạm Văn Q đã lợi dụng sơ hở trộm cắp 01 đầu hát vi tính, trên mặt có chữ VIET KTV; 01 thiết bị thu phát Micro không dây, trên máy trước có in chữ SHURE UGX8; 01 đầu vang màu đen, mặt trước in chữ Yamaha; 01 âm ly màu đen, mặt trước có in chữ Sound Tandard MX 500 Power; 01 ổ cắm điện màu đen Lioa có tổng trị giá 14.850.000đ (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Lê Văn H sau đó đem đi bán lấy tiền ăn tiêu. Hành vi của Vũ Văn C, Phạm Văn Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến Q sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý bảo vệ tài sản, làm mất an ninh, trật tự xã hội ở địa phương.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo thì thấy: Vũ Văn C và Phạm Văn Q cùng nhau thực hiện một tội phạm song vì các bị cáo đều không có sự phân công nhiệm vụ vai trò có hệ thống tổ chức nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét về mức độ, vai trò phạm tội của từng bị cáo thì thấy Vũ Văn C là người khởi xướng, rủ rê đồng bọn, C cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Lê Văn H và trực tiếp liên hệ với Nguyễn Văn T bán số tài sản trộm cắp, được hưởng lợi từ số tiền bán tài sản trộm cắp là

1.000.000đ nên Vũ Văn C có vai trò chính trong vụ án. Còn đối với Phạm Văn Q, sau khi được C nêu ý kiến đi trộm cắp tài sản thì Q đã tiếp nhận đồng ý, đứng bên ngoài cảnh giới để cho C vào lấy tài sản, cùng C đi bán tài sản trộm cắp và được hưởng lợi từ việc bán tài sản trộm cắp được là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên Q phải chịu mức phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Các bị cáo C, Q đều là những người đã trưởng thành, có nhận thức để đánh giá, nhìn nhận được việc làm của mình. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân nên đã phạm tội trộm cắp tài sản.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, Q không có tình tiết tăng nặng.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay C và Q đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên HĐXX xem xét áp dụng các quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa C.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự các bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn Q còn có thể bị phạt một khoản tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ sung quỹ Nhà nước, xét thấy các bị cáo không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang bị tạm giam nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Văn H đã được Cơ quan điều tra trả lại cho anh H số tài sản do C, Q trộm cắp. Anh H không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

Về 01 đầu hát vi tính, trên mặt có chữ VIET KTV; 01 thiết bị thu phát Micro không dây, trên máy trước có in chữ SHURE UGX8; 01 đầu vang màu đen, mặt trước in chữ Yamaha; 01 âm ly màu đen, mặt trước có in chữ Sound Tandard MX 500 Power; 01 ổ cắm điện màu đen Lioa cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn H nên HĐXX không đề cập xử lý.

Về số tiền 1000.000đ (Một triệu đồng) thu giữ của Vũ Văn C: đây là số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) Phạm Văn Q thu lời bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp được. Đây là tiền thu lời bất chính cần truy thu số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Về 01 chiếc xe mô tô không dán mác, màu sơn đỏ, lốc máy có chữ Loncin, gắn biển số 16H4 - 8566 chưa làm rõ được chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã tách vật chứng, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Về 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn C, 01 điện thoại di động Xphone, màu đỏ đen, bên trong gắn 01 sim, 01 pin thu giữ của Vũ Văn C, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về 01 điện thoại di động nhãn hiệu philip, màu đen, bên trong gắn 02 sim thu giữ của Phạm Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về 01 vật hình chữ nhật màu đen, 01 bật lửa màu trắng, 01 cóong thủy tinh được gắn 02 ống hút và 01 nắp chai nhựa màu đỏ, 04 túi nilon màu trắng nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo C, bị cáo Q phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Văn C, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn K vào ngày 11/9/2017, Công an thành phố Uông Bí đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với C, Q, T, K.

Liên quan trong vụ án còn có Nguyễn Văn T là người mua tài sản do C, Q trộm cắp ngày 11/9/2017 nhưng anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn C 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn Q 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của Vũ Văn C theo biên bản giao nhận vật chứng, bảng thống kê tiền tang vật ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

Truy thu của Phạm Văn Q số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 vật hình chữ nhật màu đen, 01 bật lửa màu trắng, 01 cóong thủy tinh được gắn 02 ống hút và 01 nắp chai nhựa màu đỏ, 04 túi nilon màu trắng. (Tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí).

Áp dụng: khoản 1, 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn C 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn C, 01 điện thoại di động Xphone, màu đỏ đen, bên trong gắn 01 sim, 01 pin và trả lại cho Phạm Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu philip, màu đen, bên trong gắn 02 sim. (Tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí).

Áp dụng: khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo C, Q, báo cho biết được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20 tháng 12 năm 2017.

Vắng mặt người bị hại là anh Lê Văn H, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T báo cho biết được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND -TP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải